

Bản án số: 101/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 13-8-2026
“V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG TRỊ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Trang

Các hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Lan Hương

Bà Đặng Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Anh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực - Quảng Trị

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Hoàng Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2026 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 101/2025/TLST - HNGĐ ngày 06/10/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 359/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 23/6/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 172/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13/7/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quốc V, sinh ngày 26/8/1995; số CCCD: 040095000067; nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn X, xã Đ, tỉnh Nghệ An; hiện cư trú tại: Đường B số nhà A, 12685 B, Đức, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 1993; số CCCD: 044193000913; HKTT: Thôn T (nay là thôn Q), xã Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn anh Nguyễn Quốc V trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Thúy L kết hôn ngày 23/12/2015 tại UBND xã Đ, huyện B (nay thuộc xã Đ, tỉnh Quảng Trị). Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, anh V đi xuất khẩu lao động tại CHLB Đ. Do khoảng cách địa lý nên hai vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Cuối năm 2024 chị L đưa con về quê ngoại ở Đ và tính từ đó đến nay hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Hai bên gia đình đã cố gắng hòa giải nhưng cũng không được. Hiện nay anh V đang đi xuất cảnh lao động ở nước ngoài, vợ chồng không chung sống với nhau nên không tìm được tiếng nói chung, không quan tâm nhau. Anh V xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

Về con chung: anh V và chị L có 02 con chung là Nguyễn Đức P (SN 10/05/2016) và cháu Nguyễn Đức H (SN 18/04/2023). Anh V đồng ý giao con cho chị L chăm sóc cho đến khi trưởng thành. Trường hợp chị L không đồng ý thì để anh V chăm sóc hai con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tài sản chung, nợ chung anh chị tự giải quyết và không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/01/2026 bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy L1 trình bày: Chị L có mối quan hệ vợ chồng với anh Nguyễn Quốc V. Về quan hệ hôn nhân, nuôi con như trình bày của anh V. Kết hôn trên tinh thần tự nguyện. Về yêu cầu khởi kiện của anh V thì chị L xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng nên chị L xin được đoàn tụ để cùng nhau nuôi con cái trưởng thành. Quá trình chung sống hai vợ chồng có có hai con. Hiện chị L là người trực tiếp nuôi con. Nếu ly hôn thì chị L xin nuôi cháu Nguyễn Đức P1 (SN 10/5/2016) và giao cháu Nguyễn Đức H (SN 18/4/2023) cho anh V nuôi dưỡng, không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng cho ai. Về tài sản chung và nợ chung thì vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị L không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND Khu vực 1 phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, hai bên đã sống ly thân nên tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình; Các Điều 28, 35, 227, 228, 238, 273, 464, 469 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Quốc V xử cho anh Nguyễn Quốc V được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thúy L; về con chung, cấp dưỡng: Giao hai cháu Nguyễn Đức P1 (SN 10/5/2016) và giao cháu Nguyễn Đức H (SN 18/4/2023) cho chị L nuôi dưỡng và anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng/cháu theo quy định; về tài sản chung: Không xem xét. Về án phí buộc anh V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại công văn số 3265/QLXNC-Đ1, ngày 17/7/2026 của Phòng Q Công an tỉnh N về cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của Nguyễn Quốc V đã xuất cảnh ngày 11/10/2022 qua cửa khẩu Sân ba quốc tế N1 bằng hộ chiếu số C5778012, hiện tại chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam. Tại thời điểm thụ lý vụ án, anh V đang ở nước ngoài, do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị theo quy định tại Điều 35, Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về phía nguyên đơn Nguyễn Quốc V đã có uỷ quyền cho ông Hoàng Tấn T nộp đơn khởi kiện và giao nhận văn bản tố tụng của Tòa án có xác nhận của Đ tại Cộng hòa Liên bang Đ, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng qua người uỷ quyền. Tòa án nhân dân khu vực 1 đã tiến hành lấy lời khai đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy L về các mối quan hệ cần giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, chị L không hợp tác, Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc người nhận từ chối nhận văn bản tố tụng, có xác nhận của chính quyền địa phương. Ngày 13/7/2026, Tòa án mở phiên toà lần thứ nhất, bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên toà theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh V có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, chị L vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt anh V, chị L theo quy định tại Điều 228, Điều 238, Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh V và chị L đăng ký kết hôn ngày 23/12/2025 tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là xã Đ, tỉnh Quảng Trị). Việc kết hôn có tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, tuân thủ quy định Luật hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo trình bày của anh V hiện vợ chồng mâu thuẫn, không còn tình cảm, không quan tâm lẫn nhau, chị L đem theo con bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ năm 2024 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Về phía chị L nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng, mong muốn đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung, chị không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thiếu quan tâm đến nhau. Chị L đã bỏ về nhà bố mẹ từ cuối năm 2024 đến nay, không còn liên lạc, chăm sóc gì cho nhau. Chị L mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không có động thái gì thể hiện mong muốn hàn gắn nên tình trạng mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa anh Nguyễn Quốc V và chị Nguyễn Thị Thúy L đã trầm trọng, mục đích xây dựng một gia đình hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Quốc V.

Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình quy định “Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn”. Do đó, anh V có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị L. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chung thủy, chăm sóc, giúp đỡ, yêu thương lẫn nhau. Nhưng anh V không còn tình cảm với chị L, vợ chồng sống ly thân, không còn yêu thương, quan tâm nhau. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của anh V xử cho anh Nguyễn Quốc V được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thúy L.

[2.2] Con chung: Quá trình chung sống anh V và chị L có 02 con chung là Nguyễn Đức P (SN 10/05/2016) và cháu Nguyễn Đức H (SN 18/04/2023). Anh V có nguyện vọng giao cả 02 con cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, trường hợp chị L không đồng ý nuôi thì anh sẽ nuôi cả 02 con; chị L có nguyện vọng nếu ly hôn xin nuôi cháu Nguyễn Đức P1 (SN 10/5/2016) và giao cháu Nguyễn Đức H (SN 18/4/2023). Tuy nhiên, nhận thấy hiện nay anh V đang ở nước ngoài, các cháu còn nhỏ và hiện đang sống cùng chị L, để bảo đảm điều kiện tốt nhất cho các

cháu, cần thiết cần phải có người chăm sóc nên Hội đồng xét xử xét thấy giao cả hai con cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh V phải có trách nhiệm cấp dưỡng theo quy định là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình thì *“Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con”*. Tại Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính Phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với địa bàn xã P, tỉnh Quảng Trị là 4.140.000 đồng/tháng. Như vậy mức cấp dưỡng tối thiểu cho phép được áp dụng để yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng là trên 2.070.000 đồng/tháng. Xét điều kiện, hoàn cảnh, mức sống hiện nay để nuôi dưỡng một đứa trẻ và đối chiếu với quy định của pháp luật thì mức cấp dưỡng là 2.500.000 đồng/tháng là phù hợp. Căn cứ quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, cần giao cháu Nguyễn Đức P, Nguyễn Đức H cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp và anh V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 2.500.000 đồng.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Quốc V và chị Nguyễn Thị Thúy L đều khai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về án phí: Anh Nguyễn Quốc V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Quốc V và chị Nguyễn Thị Thúy L có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 238, 273, 469, khoản 2 Điều 477, 479 và 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị Quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Xét xử vắng mặt anh Nguyễn Quốc V và chị Nguyễn Thị Thúy L.
2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Quốc V, xử cho anh Nguyễn Quốc V được ly hôn chị Nguyễn Thị Thúy L.
3. Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Đức P (SN 10/05/2016) và Nguyễn Đức H (SN 18/04/2023) cho chị Nguyễn Thị Thúy L trực tiếp chăm

sóc, nuôi dưỡng, anh Nguyễn Quốc V có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 2.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 08/2026 cho đến khi cháu Nguyễn Đức H trưởng thành (tròn 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Quốc V có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

4. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Quốc V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai ký hiệu BLTU/25E số 0000433 ngày 06/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Anh V còn phải nộp 300.000 đồng.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Nguyễn Quốc V có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận về việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; người phải thi hành án có nghĩa vụ thi hành đầy đủ, kịp thời bản án, quyết định; trường hợp có điều kiện thi hành án mà không tự nguyện thi hành thì bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 1;
- THADS tỉnh Q;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Đ;
- Số GCNKH: 61 ngày 23/12/2015;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Thị Mỹ Trang

